

Bản án số: 256/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Quang Chính
- Ông Trần Đăng Vạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hải - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 695/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 525/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Trung K, sinh năm 1977; địa chỉ: 60 Đường số 3, Khu phố 1, phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1981; địa chỉ: Nhà không số (kế bên nhà A) Đường số B, Khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2025, bản tự khai ngày 17/4/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Trung K trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Cần Thơ (nay là xã Đ, thành phố Cần Thơ) và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 94 quyền số 01 ngày 25/8/2005. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu tương đối hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, do không hợp tính nhau, quan điểm sống khác nhau. Ông và bà D đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Hiện nay, ông không còn tình cảm với bà D, mục đích hôn nhân không đạt được, để ổn định cuộc sống ông yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn bà D.

Về con chung: Có 02 con chung Lê Thị Yến N, sinh ngày 29/01/2006 (đã trưởng thành) và Lê Đức D1, sinh ngày 26/11/2011. Hiện nay con chung Lê Đức

D1 đang sống với bà D, giao con chung Lê Đức D1 cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Lê Trung K cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị D không làm bản tự khai và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: thủ tục thụ lý, cấp tổng đạt, văn bản, nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật. Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Gửi quyết định xét xử cho các đương sự, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như việc gửi hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu được thực hiện đúng quy định pháp luật. Xác định đúng người tham gia tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Trung K, giao con chung Lê Đức D1, sinh ngày 26/11/2011 cho ông K nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông K cấp dưỡng nuôi con chung Lê Đức D1 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Trung K yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị D, nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn bà Nguyễn Thị D cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bà Nguyễn Thị D có đơn đề nghị vắng mặt khi Tòa án xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D.

[4] Xét yêu cầu của đương sự:

[5] Về quan hệ hôn nhân:

[6] Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 94 quyển số 01 ngày 25/8/2005 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Cần Thơ (nay là xã Đ, thành phố Cần Thơ) cấp, thì quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà D là hợp pháp.

[7] Xét, quá trình chung sống vợ chồng ông K và bà D phát sinh mâu thuẫn, do quan điểm sống khác nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, ông K và bà D sống ly thân đã lâu. Quá trình Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà D có đơn xin vắng mặt, không có sự trình bày hay đưa ra văn bản nào thể hiện ý chí còn mong muốn duy trì cuộc hôn nhân này. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông K và bà D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông K đối với bà D là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ông Lê Trung K ly hôn bà Nguyễn Thị D.

[8] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 46, quyển số 01 ngày 17/02/2006 do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện C, thành phố Cần Thơ cấp; Giấy khai sinh số 290/2011, quyển số 01/2011 ngày 19/12/2011 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ cấp và lời khai của ông K thì có đủ căn cứ xác định ông K và bà D có 02 con chung Lê Thị Yến N, sinh ngày 29/01/2006 (đã trưởng thành) và Lê Đức D1, sinh ngày 26/11/2011, ông K yêu cầu giao con chung Lê Đức D1 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng; Cháu Lê Đức D1 có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, giao con chung Lê Đức D1 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng; Ông K cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, đây là sự tự nguyện của ông K nên ghi nhận.

[9] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[10] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[11] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng ông Lê Trung K chịu, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0073769 ngày 24/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H). Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng ông Lê Trung K chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lê Trung K và bà Nguyễn Thị D.
2. Về con chung: Có 02 con chung Lê Thị Yến N, sinh ngày 29/01/2006 (đã trưởng thành) và Lê Đức D1, sinh ngày 26/11/2011. Giao con chung Lê Đức D1 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự

tự nguyện của ông Lê Trung K cấp dưỡng nuôi con chung Lê Đức D1 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Lê Trung K chịu, nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0073769 ngày 24/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H). Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Lê Trung K chịu.

6. Ông Lê Trung K có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND khu vực - TP. HCM;
- Các đương sự;
- THADS TP. HCM;
- UBND xã Đông Thuận, TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Mạnh Cường